TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2017
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**
2. Ông **Đinh Quang Tuyến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông **Lê Văn Chung** - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn A,** sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

(Bà T có mặt, ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:

Bà và ông A có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có đăng có kết hôn tại UBND xã G, huyện F, tỉnh Nam Định ngày 15/6/1996.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vui vẻ. Năm 2003 ông bà cùng vào Phú Quốc lập nghiệp thì đến khoảng năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A có người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, dù đã nhiều lần hàn gắng nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không hạnh phúc. Không những vậy ông A còn thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập và gây thương tích cho bà, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của bà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có với nhau 02 người con chung tên Phạm Ngọc S, sinh ngày 13/3/2000 và Phạm Quốc C, sinh ngày 20/7/2001. Hiện các con đã lớn, có nguyện vọng theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu các con có nguyện vọng theo bà thì bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn A vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 21/6/2017 ông A trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung và tài sản chung thì ông đồng ý theo lời trình bày của bà T. Tuy nhiên, ông cho rằng giữa vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, bản thân ông cũng lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình và cho các con ăn học. Ông thừa nhận có lần ông đi nhậu say về thì có đánh bà T một lần nhưng do lúc đó ông say nên ông không nhớ và cũng không biết gì. Ông mong Tòa án giúp đỡ cho vợ chồng ông được đoàn tụ để lo cho các con và cùng lo kinh tế gia đình.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2017 cháu Phạm Ngọc S và cháu Phạm Quốc C đồng trình bày:

Chúng cháu là con chung của mẹ T và cha A. Cha và mẹ chúng cháu sống không hạnh phúc lâu rồi, nhưng mẹ chúng cháu là người nhịn nhục đến bây giờ mẹ mới nộp đơn xin ly hôn với cha. Ngày 04/5 âm lịch cha về nhà trong tình trạng say rượu rồi đánh và đuổi mẹ không cho vô nhà. Mẹ sợ quá đã bỏ trốn đến nay. Nay cha mẹ nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của chúng cháu được sống với mẹ, đây là nguyện vọng của chúng cháu không ai ép buộc. Vì mẹ là người thương chúng cháu nhất, luôn bảo vệ chúng cháu, còn với cha thì dường như chúng cháu không còn chút tình cảm nào. Chúng cháu mong rằng cha và mẹ không hàn gắn lại với nhau để mẹ được sống tự do không bị cha ràng buộc và

đánh đập, và cha chỉ muốn lợi dụng sức lao động của mẹ chúng cháu để tạo ra tiền.

* Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định. Đối với Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa cho đến thời điểm trước nghị án. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Kiểm sát viên cho rằng tại phiên tòa bà T khẳng định không còn tình cảm và nhất quyết muốn ly hôn với ông A, đồng thời ông A có hành động bạo lực gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông A. Về con chung thì các con bà T và ông A có nguyện vọng sống với mẹ, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình đồng ý giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn A đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 31/8/2017) nhưng vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông A không vì sự kiện bất khả kháng. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996 bà T và ông A tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện F, tỉnh Nam Định ngày 15/6/1996 đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2005 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cải nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông A thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của bà T. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông A.

[3] Tại phiên tòa bà T khẳng định không còn tình cảm với ông A nên không thể tiếp tục chung sống được nữa vì ông A thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập vợ con gây ảnh hưởng đến cuộc sống của bà và các con, bà khẳng định không muốn đoàn tụ với ông A. Xét thấy tình cảm của bà T đối với ông A không còn, đồng thời ông A thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tinh thần của bà T, đã bị Công an thị trấn Dương Đông xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh đập, gây thương tích cho thành viên gia đình, nhưng ông A vẫn không sửa đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng giữa ông bà không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông A.

[4] Về con chung: Tại bản tự khai ngày 21/6/2017 cháu Phạm Ngọc S, sinh ngày 13/3/2000 và cháu Phạm Quốc C, sinh ngày 20/7/2001 đều có nguyện vọng được sống với bà T. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu S và cháu C cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi còn cùng với bà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc S, sinh ngày 13/3/2000 và Phạm Quốc C, sinh ngày 20/7/2001 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, bà T và ông A có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004000 ngày 14/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Bà T không phải nộp thêm. Ông A không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Hồng